

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 03-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 232/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Phú Nh, sinh năm 1990 tại Phú Yên; nơi thường trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Phú H, sinh năm 1967 và bà Lê Thị M, sinh năm 1963; chưa có vợ con.

Tiền án:

Ngày 03-3-2011, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong vào ngày 04-4-2013.

Ngày 22-01-2014, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong vào ngày 20-6-2016.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02-4-2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam về hành vi Trộm cắp tài sản và Hủy hoại tài sản, ngày 18-11-2019, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 10 năm tù.

Ngày 11-3-2017 thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 31-8-2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam, bị can bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 31-10-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ra Quyết định truy nã bị can, ngày 03-11-2017 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, ngày 22-8-2019 ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định phục hồi điều tra bị can. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02-4-2019 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph; địa chỉ: Tổ S, khu phố V, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, Xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03-01-2020); có mặt.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Hoài N, ông Nguyễn Phúc Th, ông Lâm Hoàng A, ông Nguyễn Bá T, ông Lương Văn Đ, bà Lê Ngọc T, bà Hồ Thị Ngọc H, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Trường H, ông Trịnh Văn T, ông Hứa V và ông Trần Văn Ng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10-2016, Trương Phú Nh được nhận vào làm việc tại Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph thuộc khu phố V, phường B, thị xã U, Bình Dương. Nh được Công ty giao nhiệm vụ quản lý số lượng công nhân làm việc, lập bảng chấm công đối với số công nhân làm việc, phát lương cho các công nhân.

Khoảng thời gian từ ngày 01-02-2017 đến ngày 28-02-2017, tại Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph có 13 công nhân tự ý nghỉ việc nhưng không nộp đơn xin nghỉ việc để thông báo cho ông Nguyễn Hoàng B là Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph biết, danh sách số công nhân nghỉ việc cụ thể như sau: Châu Ngh, sinh năm 1996; thường trú: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh An

Giang, công nhân tổ sơn treo màu, nghỉ việc từ ngày 16-02-2017; Thạch Thị L, sinh năm 1971; thường trú: Ấp C, xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, công nhân tổ sơn treo màu, nghỉ việc từ ngày 17-02-2017; Trần Trung H, sinh năm 1990; thường trú: Khóm H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Cà Mau, công nhân tổ định hình, nghỉ việc từ ngày 01-02-2017; Lâm Thị Tr, sinh năm 1996; thường trú: Ấp H, xã Vĩnh Bình B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, công nhân tổ đóng gói, nghỉ việc từ ngày 08-02-2017; Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1997; thường trú: Khu phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, công nhân tổ đóng gói, nghỉ việc từ ngày 09-02-2017; Trần Văn Ng, sinh năm 1984; thường trú: Ấp B, xã N, huyện Q, tỉnh Kiên Giang, công nhân tổ sơn bàn, nghỉ việc từ ngày 28-02-2017; Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1984; thường trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, công nhân tổ sơn bàn, nghỉ việc từ ngày 28-02-2017; Lê Ngọc T, sinh năm 1998; thường trú: Ấp H, xã Vĩnh Bình B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, công nhân tổ lắp ráp, nghỉ việc từ ngày 08-02-2017; Sơn Thị D, sinh năm 1962; thường trú: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, công nhân tổ sơn treo nhám, nghỉ việc từ ngày 10-2-2017; Nguyễn Thị H, không rõ lai lịch do không có hồ sơ xin việc, công nhân tổ sơn bàn, nghỉ việc từ ngày 17-02-2017; Lê Thị Nh, không rõ lai lịch do không có hồ sơ xin việc, công nhân tổ sơn bàn, nghỉ việc từ ngày 01-02-2017; Nguyễn Văn Th, không rõ lai lịch do không có hồ sơ xin việc, công nhân tổ ghép phối, nghỉ việc từ ngày 13-02-2017 và Thạch Thị Th, không rõ lai lịch do không có hồ sơ xin việc, công nhân tổ nhám, nghỉ việc từ ngày 01-02-2017.

Qua kiểm tra các Bảng chi tiết chấm công tháng 02-2017 do các tổ trưởng của các tổ sản xuất, Nh biết việc các công nhân này nghỉ việc nhưng khi soạn thảo các Bảng chấm công tháng 02-2017 Nh vẫn tiếp tục chấm công cho 13 công nhân đã nghỉ việc đến hết ngày 28-02-2017 rồi in các Bảng chấm công tháng 02-2017 ra trình Ban giám đốc ký duyệt. Sau đó, Nh giao các bảng chấm công cho bộ phận kế toán để lập bảng tính lương tháng 02-2017, căn cứ vào các bảng chấm công của Nh, bộ phận kế toán đã tính lương cho 13 công nhân vì nghĩ rằng số công nhân này vẫn đang làm việc tại Công ty. Ngày 11-3-2017, Nh đến bộ phận kế toán gặp bà Lê Thị Th để nhận tiền lương của các công nhân. Sau khi nhận tiền lương từ bộ phận kế toán, Nh mang tiền đến xưởng, giao tiền lương cho các tổ trưởng của các tổ sản xuất để phát lại cho từng công nhân trong tổ, đồng thời Nh dặn các tổ trưởng nếu công nhân nào không nhận lương thì mang số tiền lương của công nhân đó về nộp lại cho Nh. Các tổ trưởng sau khi phát lương cho công nhân xong thì còn thừa lại số tiền lương của 13 công nhân có tên nêu trên nên đã giao lại cho Nh tổng số tiền 42.349.189 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng). Số tiền này Nh không giao trả lại cho Công ty mà chiếm đoạt để tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Ngày 17-3-2017, sau khi bộ phận kế toán rà soát, đối chiếu các Bảng chấm công tháng 02-2017 do Nh soạn thảo với các Bảng chi tiết chấm công tháng 02-2017 của các tổ trưởng và danh sách công nhân của Công ty thì phát hiện sự việc trên nên đã báo cáo với Ban giám đốc của công ty, Ban giám đốc đã yêu cầu Nh đến làm việc nhưng Nh đã tự ý nghỉ việc. Đại diện Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph đã trình báo vụ việc đến Công an phường Khánh Bình. Công an phường Khánh Bình tiếp nhận và lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên giải quyết theo thẩm quyền.

Bản Cáo trạng số 234/CT-VKSTU ngày 07-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trương Phú Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, cho rằng bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Phú Nh từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, tổng hợp bản án số 84/2019/HSST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Văn Q yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường số tiền 42.349.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Trương Phú Nh đồng ý bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều tra, tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Bị cáo Trương Phú Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11-3-2017, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph thuộc khu phố V, phường B, thị xã U, Bình Dương, bị cáo Trương Phú Nh đã có hành vi gian dối, lập bảng chấm công đối với 13 công nhân đã nghỉ việc để chiếm đoạt số tiền 42.349.189 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph. Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm d tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, đủ căn cứ khẳng định nội dung Cáo trạng số 234/CT-VKSTU ngày 07-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành (Ngày 01-01-2018). Tuy nhiên, khung hình phạt và mức hình phạt của tội danh này là bằng nhau. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy

được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét thấy, bị cáo đang chấp hành án hình phạt 10 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HSST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định thi hành án hình phạt tù số 136/2019/QĐ-CA ngày 24-12-2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bị cáo Nhựt phải chấp hành án hình phạt chung của bản án này và Bản án số 84/2019/HSST theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xét thấy, mức hình phạt và trách nhiệm dân sự của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 42.349.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Phú Nh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Phú Nh 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 10 năm tù tại Bản án số 84/2019/HSST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-04-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trương Phú Nh phải bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Gia Gia Ph số tiền 42.349.000 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.117.450 đồng (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hạnh

